

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **5070/QĐ-ĐHNH**, ngày **30** tháng **12** năm **2025**
phsacủa Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình (Tiếng Việt): **THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH BÁN PHẦN**
- Tên chương trình (Tiếng Anh): **ELECTRONIC COMMERCE**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**
- Mã ngành ¹: 7340122
- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Chuẩn đầu vào: Thực hiện theo đề án tuyển sinh
- Thời gian đào tạo (theo thiết kế): **04 năm (08 học kỳ)**
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng ... năm ...**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – PO):

1.1. Mục tiêu chung: (PO)

Đào tạo cử nhân ngành Thương mại điện tử có năng lực đáp ứng yêu cầu bậc 6 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam (ban hành theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

Đào tạo cử nhân ngành Thương mại điện tử có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm đối với xã hội; có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết về công nghệ thông tin và kinh tế, quản lý; có năng lực sáng tạo, cập nhật và ứng dụng; có kỹ năng thiết kế, vận hành hoạt động thương mại trong môi trường Internet thông qua website, mạng xã hội, diễn đàn, thiết bị di động, ... một cách hiệu quả; đáp ứng các yêu cầu công việc tại các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài hoặc các công ty đa quốc gia.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (POi)

¹ Mã ngành được ghi theo bảng mã ngành được Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.

- PO1.** Có khả năng vận dụng kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực thương mại điện tử
- PO2.** Thể hiện phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.
- PO3.** Thể hiện kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử.
- PO4.** Có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập trong lĩnh vực thương mại điện tử.
- PO5.** Có kỹ năng vận dụng, phân tích, thiết kế và triển khai các hệ thống thương mại điện tử, đồng thời có khả năng điều phối và giám sát các nguồn lực liên quan đến triển khai các dự án thương mại điện tử.

2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Performance Indicator – PI_n):

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng: ²

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PI _n)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được ³	GHI CHÚ
PLO1		Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	3	
	PI 1.1	Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.	3	
	PI 1.2	Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3	
PLO2		Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	4	

² Mỗi PLO có tối đa 4 nội hàm; mỗi nội hàm được đo bằng một PI.

³ Theo thang đo năng lực.

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PIIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được 3	GHI CHÚ
	PI 2.1	Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện.	4	
	PI 2.2	Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề	4	
PLO3		Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
	PI 3.1	Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.	4	
	PI 3.2	Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
PLO4		Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
	PI 4.1	Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	4	
	PI 4.2	Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
PLO5		Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng	4	
	PI 5.1	Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.	4	
	PI 5.2	Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.	4	
	PI 5.3	Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.	4	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIs)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được 3	GHI CHÚ
PLO6		Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
	PI 6.1	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
	PI 6.2	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
PLO7		Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	4	
	PI 7.1	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành	4	
	PI 7.2	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành	4	
PLO8		Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 08.1	Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 08.2	Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
PLO9		Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT)	4	
PLO10		Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 10.1	Biết sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3	
	PI 10.2	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
PLO11		Có khả năng nhận định, đánh giá, đề xuất, triển khai và bảo vệ quan điểm về	5	

Ký hiệu CDR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được ³	GHI CHÚ
		giải pháp cho các vấn đề đương đại trong lĩnh vực thương mại điện tử.		
	PI 11.1	Phân tích và nhận định các vấn đề đương đại trong lĩnh vực thương mại điện tử.	4	
	PI 11.2	Phân tích và so sánh các giải pháp cho các vấn đề đương đại trong lĩnh vực thương mại điện tử.	4	
	PI 11.3	Lập kế hoạch, tổ chức và quản lý các nguồn lực để triển khai giải pháp vào các vấn đề đương đại trong ngành thương mại điện tử.	5	

3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu (POi) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs):

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Mục tiêu chung:												
Đào tạo cử nhân ngành Thương mại điện tử có năng lực đáp ứng yêu cầu bậc 6 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam (ban hành theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).												
Đào tạo cử nhân ngành Thương mại điện tử có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm đối với xã hội; có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết về công nghệ thông tin và kinh tế, quản lý; có năng lực sáng tạo, cập nhật và ứng dụng các hệ thống thông tin hiện đại vào việc quản trị các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và tổ chức một cách hiệu quả trong thời đại số; đáp ứng các yêu cầu công việc tại các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài hoặc các công ty đa quốc gia.												
Mục tiêu cụ thể:												
PO1	Có khả năng vận dụng kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực thương mại điện tử.	X					X	X				X
PO2	Thể hiện phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả				X	X						

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	năng định hướng phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.											
PO3	Thể hiện kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử.		X	X								
PO4	Có năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập trong lĩnh vực thương mại điện tử.									X	X	
PO5	Có kỹ năng vận dụng, phân tích, thiết kế và triển khai các hệ thống thương mại điện tử, đồng thời có khả năng điều phối và giám sát các nguồn lực liên quan đến triển khai các dự án thương mại điện tử.						X	X	X			X

Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.⁴

PO	PLO	PI
PO1	PLO1	PI 1.1
		PI 1.2
	PLO6	PI 6.1
		PI 6.2
	PLO7	PI 7.1
	PLO11	PI 11.1
PO2	PLO4	PI 4.1

⁴ Đối sánh để quan sát tính phù hợp với mỗi mục tiêu cụ thể (PO) được thể hiện thông qua CDR CTĐT (PLO) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI)

PO	PLO	PI
	PLO5	PI 4.2
		PI 5.1
		PI 5.2
		PI 5.3
PO3	PLO2	PI 2.1
		PI 2.2
	PLO3	PI 3.1
		PI 3.2
PO4	PLO9	
	PLO10	PI 10.1
		PI 10.2
PO5	PLO6	PI 6.1
		PI 6.2
	PLO7	PI 7.1
		PI 7.2
	PLO 8	PI 8.1
		PI 8.2
	PLO11	PI 11.1
		PI 11.2
		PI 11.3

4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam:

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Kiến thức:												
KT1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	X										X
KT2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	X										
KT3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.										X	
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám						X	X	X			X

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.											
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	X					X	X				X
Kỹ năng:												
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.		X	X								X
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.			X		X						
KN3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.		X									
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.			X	X							
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.			X				X	X			
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.									X		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm:												
TCTN1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá			X	X							

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	nhân và trách nhiệm đối với nhóm.											
TCTN2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.			X			X	X	X			X
TCTN3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.				X		X	X	X			X
TCTN4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.				X		X	X	X			X

5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận các vị trí nghề nghiệp sau:

- Thiết kế, quản trị và vận hành hệ thống thương mại điện tử
- Chuyên viên thiết kế các giải pháp thương mại điện tử
- Chuyên viên vận hành hệ thống giao dịch điện tử
- Chuyên viên thanh toán trực tuyến
- Chuyên viên ngân hàng điện tử
- Chuyên viên tiếp thị điện tử
- Chuyên viên phân tích dữ liệu truyền thông số và mạng xã hội
- Chuyên viên kinh doanh sản phẩm và dịch vụ thương mại điện tử
- Những công việc khác có liên quan đến hoạt động thương mại điện tử trong các tổ chức.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Có khả năng học tiếp các chương trình Thạc sĩ ở trong và ngoài nước.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 124 đơn vị tín chỉ (đvtc), không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

8. Đối tượng tuyển sinh:

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Thiết kế thời gian tổ chức đào tạo là 04 năm với 08 học kỳ chính và 03 học kỳ hè. Trong các học kỳ chính, sinh viên chủ yếu được học tập trên giảng đường hoặc phòng máy tính, hai học kỳ cuối sinh viên đi thực tập tại các doanh nghiệp và thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên có thể đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt trong các học kỳ chính và học kỳ hè. Học kỳ hè sẽ được tổ chức đào tạo theo nhu cầu của sinh viên.

Sau khi nhập học, sinh viên được kiểm tra năng lực tiếng Anh và được xếp lớp học tiếng Anh tùy theo trình độ. Trong trường hợp chưa đáp ứng được yêu cầu tiếng Anh, sinh viên được học miễn phí 300 tiết tiếng Anh để đảm bảo trình độ tiếng Anh đạt mức 3/6 sau năm học thứ hai.

10. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh:

10.1. Các trường đại học ở nước ngoài

Chương trình đào tạo chuyên ngành Thương mại điện tử của Đại học Quốc gia Singapore ban hành áp dụng từ năm 2023; Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử của Đại học La Verne (Mỹ) năm 2024.

10.2. Các trường đại học ở Việt Nam

Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử TABP của Đại học Kinh tế TP.HCM ban hành áp dụng từ năm 2025; Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử chương trình cử nhân tài năng của Trường Đại học Kinh tế Luật - Đại học Quốc gia TP.HCM ban hành áp dụng từ năm 2024; Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP.HCM ban hành áp dụng từ năm 2025.

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập ⁵

11.1. Phương pháp giảng dạy

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT *ngành Thương mại điện tử*, các chiến lược và phương pháp giảng dạy được áp dụng cụ thể như sau:

- Phương pháp Thuyết giảng
- Phương pháp Bài giảng tương tác
- Phương pháp Ôn luyện
- Phương pháp Thảo luận có định hướng
- Phương pháp Bài tập
- Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập nhóm
- Phương pháp giảng dạy thông qua Phản hồi từ bạn học
- Giảng dạy vừa đúng lúc

⁵ Mô tả các phương pháp giảng dạy tham khảo theo tài liệu hướng dẫn

- Giảng dạy bằng tình huống điển hình
- Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề
- Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án
- Giảng dạy thông qua đóng vai
- Giảng dạy thông qua mô phỏng

11.2. Đánh giá kết quả học tập: Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10, được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi điểm giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Kết cấu và nội dung chương trình:

12.1. Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	9			19			20.4%
2	Giáo dục chuyên nghiệp							
2.1	Cơ sở ngành	16	3		46	9		43.2%
2.2	Ngành và chuyên ngành	12	4		38	12		36.4%
	Tổng cộng	37	7		103	21		100%

TT	Khối kiến thức khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng cộng	13

12.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
		Học phần bắt buộc						
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	3	3	0	0		1
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin / Marxist-Leninist Political Economics	2	2	0	0	MLM306	2

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism	2	2	0	0	MLM306	2
4	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / History of Vietnamese Communist Party	2	2	0	0	MLM306	2
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh's Ideology	2	2	0	0	MLM306	2
6	MAE701	Toán kinh tế 1 / Mathematics for Economics 1	2	2	0	0		1
7	MAE702	Toán kinh tế 2 / Mathematics for Economics 2	2	2	0	0		2
8	FIN730	Phát triển bền vững và Tài chính xanh / Sustainable development and green finance	2	2	0	0		1
9	LAW798	Pháp luật và Thể chế / Law and Institution	2	2	0	0		1
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
Học phần khối kiến thức cơ sở ngành								
Học phần bắt buộc								
10	MES302	Kinh tế học vi mô / Micro-economics	3	3	0	0		1
11	MES303	Kinh tế học vĩ mô / Macro-economics	3	3	0	0		2
12	ACC301	Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting	3	3	0	0		1
13	FIN303	Tài chính doanh nghiệp / Corporate Finance	3	3	0	0	ACC301	3
14	MAG322	Quản trị học / Fundamental of Management	3	3	0	0		2
15	ITS709	Mạng máy tính và truyền thông / Computer network and communication	3	3	0	0		4
16	DIM706	Marketing số / Digital Marketing	3	3	0	0		3
17	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học / Research Methods	3	3	0	0		4

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
18	ITS772	Phát triển năng lực số / Digital Capabilities Development	3	3	0	0	Chứng chỉ UDCNTT nâng cao, Chứng nhận ứng dụng AI	4
19	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh / Applied Logic in Business	2	2	0	0		1
20	ITS765	Nguyên lý và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị đương đại / Artificial Intelligence in Contemporary Management: Principles and Applications	2	2	0	0		2
21	BAF736	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính / Money, Banking and FinTech	3	3	0	0		4
22	ITB303	Thương mại điện tử / Electronic Commerce	3	3	0	0		3
23	ITS302	Cơ sở dữ liệu / Database Systems	3	3	0	0		3
24	ITS318	Cơ sở lập trình / Fundamentals of Programming	3	3	0	0	ITS723	3
25	ENP756	Tiếng Anh chuyên ngành thương mại điện tử / English for Electronic Commerce	3	3	0	0	IELTS 4.5/ Vstep 3/6/ tương đương	4
Học phần tự chọn (chọn 03 môn trong cùng một định hướng liên ngành)								
Định hướng Hệ thống thông tin quản lý								
26a	ITS304	Hệ thống thông tin quản lý	3	3	0	0		3
27a	ITS704	Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp / Enterprise Resource Planning System	3	3	0	0	ITS304	4
28a	ITS701	Chuyển đổi kinh doanh số / Digital Business Transformation	3	3	0	0		6
Định hướng Khởi nghiệp								
26b	ITS754	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý / Applications of Artificial	3	3	0	0	MAG322	3

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
		Intelligence in Business and Management						
27b	DIM703	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số / Entrepreneurship in The Digital Age	3	3	0	0	MAG322	4
28b	MAG323	Quản trị đổi mới và sáng tạo / Innovation and creativity management	3	3	0	0	MAG322	6
Định hướng Dữ liệu								
26c	ITS754	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý / Applications of Artificial Intelligence in Business and Management	3	3	0	0	MAG322	3
27c	ITS718	Kho dữ liệu và hệ hỗ trợ ra quyết định / Data Warehouse and Decision Support Systems	3	3	0	0	ITS302	4
28c	ITS324	Khai phá dữ liệu / Data Mining	3	3	0	0		6
Học phần khối kiến thức ngành								
Học phần bắt buộc								
29	ITS776	Microservices Architecture and Cloud Computing / Kiến trúc vi dịch vụ và điện toán đám mây	3	3	0	0	ITB303	5
30	ECS702	Marketing for Electronic Commerce / Marketing cho Thương mại điện tử	3	3	0	0	DIM706	5
31	ITS779	Web Programming / Lập trình web	3	3	0	0	ITS318	6
32	ECS705	Electronic Commerce Security / Bảo mật thương mại điện tử	2	2	0	0	ITB303	5
33	ITS777	Search Engine Optimization and Web Analytics / Phân tích và tối ưu hóa bộ máy tìm kiếm	2	2	0	0		5
Học phần tự chọn (chọn 02 môn trong 03 môn)								
34	ECS703	Electronic Commerce Information Systems / Hệ thống thông tin thương mại điện tử	3	3	0	0	ITB303	5

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
35	ITS734	Business Analysis / Phân tích kinh doanh	3	3	0	0		5
	ECS704	Electronic Business Strategy / Chiến lược kinh doanh điện tử	3	3	0	0	ITB303	5
Học phần chuyên ngành								
		Học phần bắt buộc						
36	ECS708	Electronic Commerce Project Management / Quản trị dự án Thương mại điện tử	3	3	0	0	ITB303	7
37	ECS707	Electronic Commerce Analysis and Design / Phân tích thiết kế hệ thống thương mại điện tử	3	3	0	0	ITB303	6
38	ECS706	Emerging Technologies in Electronic commerce / Các công nghệ mới trong thương mại điện tử	3	3	0	0	ITB303	6
39	ITS741	Electronic Payment system / Hệ thống thanh toán điện tử	2	2	0	0		7
40	ITS750	Operational Management in Electronic Commerce / Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	2	2	0	0	ITB303	6
		Học phần tự chọn (chọn 02 môn trong 03 môn)						
41	ITS778	UI and UX Design / Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng	3	3	0	0		7
42	ECS709	Social Commerce / Thương mại xã hội	3	3	0	0	ITB303	7
42	ITS773	Analysis of Digital Media and Social Networks Data / Phân tích dữ liệu truyền thông số và mạng xã hội	3	3	0	0		7
Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện theo quy chế của Trường)								
43	INT712	Electronic Commerce Internship / Thực tập cuối khóa ngành Thương mại điện tử	3	0	0	3	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ, tin học	7

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
	Học phần tốt nghiệp:							
44	REP712	Graduation Thesis in Electronic Commerce / Khóa luận tốt nghiệp ngành Thương mại điện tử	9	0	0	9		8
Tổng số tín của chương trình đào tạo			124					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			103					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			21					

13. Kế hoạch đào tạo phân theo học kỳ:

Học kỳ 1:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước / song hành	Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	3		BB	Tiếng Việt
2	FIN730	Phát triển bền vững và Tài chính xanh / Sustainable development and green finance	2		BB	Tiếng Việt
3	MAE701	Toán kinh tế 1 / Mathematics for Economics 1	2		BB	Tiếng Việt
4	LAW798	Pháp luật và Thể chế / Law and Institution	2		BB	Tiếng Việt
5	MES302	Kinh tế học vi mô / Micro-economics	3		BB	Tiếng Việt
6	ACC301	Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting	3		BB	Tiếng Việt
7	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh / Applied Logic in Business	2		BB	Tiếng Việt
		TỔNG TÍN CHỈ	17			

Học kỳ 2:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước / song hành	Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ
1	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism	2	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	BB	Tiếng Việt

2	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / History of Vietnamese Communist Party	2	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	BB	Tiếng Việt
3	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh's Ideology	2	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	BB	Tiếng Việt
4	MAE702	Toán kinh tế 2 / Mathematics for Economics 2	2		BB	Tiếng Việt
5	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin / Marxist-Leninist Political Economics	2	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy	BB	Tiếng Việt
6	MES303	Kinh tế học vĩ mô / Macro-economics	3		BB	Tiếng Việt
7	MAG322	Quản trị học / Fundamental of Management	3		BB	Tiếng Việt
8	ITS765	Nguyên lý và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị đương đại	2		BB	Tiếng Việt
		TỔNG TÍN CHỈ	18			

Học kỳ 3:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước / song hành	Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ
1	FIN303	Tài chính doanh nghiệp / Corporate Finance	3	Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting	BB	Tiếng Việt
2	DIM706	Marketing số / Digital Marketing	3		BB	Tiếng Việt
3	ITB303	Thương mại điện tử / Electronic Commerce	3		BB	Tiếng Việt
4	ITS302	Cơ sở dữ liệu / Database Systems	3		BB	Tiếng Việt
5	ITS318	Cơ sở lập trình / Fundamentals of Programming	3	Logic ứng dụng trong kinh doanh / Applied Logic in Business	BB	Tiếng Việt
6		Học phần tự chọn liên ngành (1)	3		TC	Tiếng Việt
		TỔNG TÍN CHỈ	18			

Học kỳ 4:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước / song hành	Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ
1	ITS709	Mạng máy tính và truyền thông / Computer network and communication	3		BB	Tiếng Việt
2	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học / Research Methods	3		BB	Tiếng Việt
3	ITS772	Phát triển năng lực số / Digital Capabilities Development	3	Chứng chỉ UDCNTT nâng cao, Chứng nhân ứng dụng AI	BB	Tiếng Việt

4	BAF736	Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính / Money, banking and fintech	3		BB	Tiếng Việt
5	ENP756	Tiếng Anh chuyên ngành thương mại điện tử / English for Electronic Commerce	3	IELTS 4.5/ Vstep 3/6/ tương đương	BB	Tiếng Việt
6		Học phần tự chọn liên ngành (2)	3		TC	Tiếng Việt
		TỔNG TÍN CHỈ	18			

Học kỳ 5:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước / song hành	Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ
1	ITS776	Microservices Architecture and Cloud Computing / Kiến trúc vi dịch vụ và điện toán đám mây	3	Thương mại điện tử / Electronic Commerce	BB	Tiếng Anh
2	ECS702	Marketing for Electronic Commerce / Marketing cho Thương mại điện tử	3	Marketing số / Digital marketing	BB	Tiếng Anh
3	ECS705	Electronic Commerce Security / Bảo mật thương mại điện tử	2	Thương mại điện tử / Electronic Commerce	BB	Tiếng Anh
4	ITS777	Search Engine Optimization and Web Analytics / Phân tích và tối ưu hóa bộ máy tìm kiếm	2		BB	Tiếng Anh
5		Học phần tự chọn ngành (1)	3		TC	Tiếng Anh
6		Học phần tự chọn ngành (2)	3		TC	Tiếng Anh
		TỔNG TÍN CHỈ	16			

Học kỳ 6:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước / song hành	Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ
1	ECS707	Electronic Commerce Analysis and Design / Phân tích thiết kế hệ thống thương mại điện tử	3	Thương mại điện tử / Electronic Commerce	BB	Tiếng Anh
2	ITS779	Web Programming / Lập trình web	3	Cơ sở lập trình / Fundamentals of Programming	BB	Tiếng Anh
3	ECS706	Emerging Technologies in E-commerce / Các công nghệ mới trong thương mại điện tử	3	Thương mại điện tử / Electronic Commerce	BB	Tiếng Anh
4	ITS750	Operational Management in Electronic Commerce / Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	2	Thương mại điện tử / Electronic Commerce	BB	Tiếng Anh
5		Học phần tự chọn liên ngành (3)	3		TC	Tiếng Việt
		TỔNG TÍN CHỈ	14			

Học kỳ 7:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước / song hành	Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ
1	ECS708	Electronic Commerce Project Management / Quản trị dự án Thương mại điện tử	3	Thương mại điện tử / Electronic Commerce	BB	Tiếng Anh
2	ITS741	Electronic Payment system / Hệ thống thanh toán điện tử	2		BB	Tiếng Anh
3	INT712	Electronic Commerce Internship / Thực tập cuối khóa ngành Thương mại điện tử	3		BB	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
4		Học phần tự chọn chuyên ngành (1)	3		TC	Tiếng Anh
5		Học phần tự chọn chuyên ngành (2)	3		TC	Tiếng Anh
		TỔNG TÍN CHỈ	14			

Học kỳ 8:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước / song hành	Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ
Học phần tốt nghiệp						
1	REP712	Graduation Thesis in Electronic Commerce / Khóa luận tốt nghiệp ngành Thương mại điện tử	9	Theo quy chế đào tạo	TC	Tiếng Việt/ Tiếng Anh

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



GS., TS. Nguyễn Đức Trung

**KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT
TRƯỜNG KHOA**

(Signature)
Danh Hoàng Nam